TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2024/QĐ-TA	*TP. Thái Bình, ngày 31 tháng 7năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

*1. Thẩm phán:*Bà Lê Thị P.

2. Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình,Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số 45/2024/QĐ-TA ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với:

Họ và tên: Phạm Văn T,sinh ngày 25/4/1967;

Số căn cước công dân:034067004273, ngày cấp: 14/8/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A, ngõ G, N, tổ B, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, ngõ G, N, tổ B, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Phạm Văn K và bà Phạm Thị S (đã chết).

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 24 ngày 13/3/2001 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình nay là thành phố T xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Bản án số 55 ngày 17/6/2003 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình nay là thành phố T xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 134 ngày 25/11/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 140 ngày 26/10/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Quyết định số 2888 ngày 24/12/2009 của UBND thành phố T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội, thời hạn 12 tháng.

- Quyết định số 82/2019/QĐ-TA ngày 18/12/2019 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn là 01 năm 09 tháng.

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị: Ông Nguyễn Thế H –Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh & Xã hội thành phố T.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy Phạm Văn T là đối tượng nghiện chất ma túy, sử dụng ma túy từ năm 1995. Bản thân T đầu năm 2024 mới chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, T không tham gia điều trị bằng Methadone, không cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. T khai do nghiện đã lâu, T không từ bỏ được ma tuý. Mỗi tuần T sử dụng từ 01 đến 02 lần, mỗi lần mua khoảng 200.000 đồng tiền heroin. Lần gần nhất vào ngày 24/6/2024, T tiếp tục có hành vi mua ma tuý, loại Heroin trên bờ sông T của một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ, sau đó ra gầm cầu B, thuộc tổ A, phường L, thành phố T sử dụng một mình dưới hình thức chích vào cơ thể. Cùng ngày, công an phường L, thành phố T đã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng ma tuý của T.

Tại Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy đề ngày 25/6/2024 của Bệnh viện T2 xác định đối tượng Phạm Văn T nghiện chất dạng thuốc phiện (H).

Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình Phạm Văn T thể hiện: Phạm Văn T là đối tượng nghiện ma túy, không tham gia điều trị bằng Methadone, không cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. Có nơi cư trú ổn định tại tổ B, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thành phố T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Văn T tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 9, Điều 95, Điều 96, Điều 103, Điều 104, Điều 105 Luật xử lý vi phạm hành

chính; Đề mục 49, 56, 57, 59 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm năm 2020;các Điều 12, Điều 13, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 23, Điều 24, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022 của Uỷ ban thường vụ Quốc hộivề trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 32 Luật phòng chống ma túy;Điều 33, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 54 Nghị định số 116/2021/NĐ - CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện,quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình đối với Phạm Văn T1 thời hạn từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm.

XÉT THẤY:

- Về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị: Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Văn T đã được Công an phường L và Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T thu thập tài liệu, xác minh, lập hồ sơ đầy đủ, có văn bản số 03/ĐN-UBND ngày 30/6/2024 đề nghị Trưởng phòng Lao động – thương binh xã hội thành phố T xem xét hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Văn T; đã có kết luận của cơ quan y tế xác định Tấnnghiện ma túy. Hồ sơ đã được Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T có văn bản đề nghị về việc xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Hồ sơ đề nghị là hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 95, 96, 103, 104, 105Luật xử lý vi phạm hành chính và các Điều 33, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 54Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị áp dụng: Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn T ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng tệ nạn ma túy trong cộng đồng, gây tác động tiêu cực đến quá trình đấu tranh chống tệ nạn ma túy nói chung và trên địa bàn thành phố T nói riêng. Tấnnhận thức rất rõ tác hại của ma túy, nhưng do không làm chủ được bản thân nên vẫn sử dụng ma túy từ năm 1995 đến nay.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình làm việc Phạm Văn T đã tự nguyện khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính và không phải chịu tình tiết tăng nặng

nào quy định tạiĐiều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính.Tuy nhiên T có nhân thân rất xấu,đã 04 lần bị kết án về các tội trộm cắp tài sản và tàng trữ ma tuý; 02 lần bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc nhưng không quyết tâm từ bỏ ma tuý nên cũng cần xem xét, cân nhắc khi áp dụng thời hạn cai nghiện bắt buộc đối với T trong lần vi phạm này.

- Tòa án xét thấy hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý có tác động rất xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, trí tuệ, thể chất của con người và còn là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Hiện nay Tấnkhông tham gia điều trị bằng Methadone thay thế, không tham gia chương trình cai nghiện nào, do đó việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T như đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 9, Điều 95, Điều 96, Điều 103, Điều 104, Điều 105 Luật xử lý vi phạm hành chính; Đề mục 49, 56, 57, 59 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm năm 2020; các Điều 12, Điều 13, Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 23, Điều 24, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 32 Luật phòng chống ma túy; Điều 33, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 54 Nghị định số 116/2021/NĐ - CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với: Phạm Văn T, sinh ngày 25/4/1967; Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ G, N, tổ B, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bìnhtại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình.

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 01 (một) năm 09 (chín) tháng kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với Quyết định:

Phạm Văn T có quyền khiếu nại đối với Quyết định này trong thời hạn 05 *(năm)* ngày làm việc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Phòng Lao động thương binh và xã hội thành phố T, tỉnh Thái Bình có quyền kiến nghị, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 05 *(năm)* ngày làm việc kể từ ngày 31/7/2024.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T phối hợp với Công an thành phố T thi hành Quyết định đưa Phạm Văn T vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:
- Người bị áp dụng;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Phòng LĐ-TB&XH thành phố Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ PHƯỢNG